



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc
Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099
Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT220811

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản thủy sản
 Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: ngày 8-10/8/2022

Ngày nhận mẫu: ngày 11/8/2022

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: ngày 11-15/8/2022

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp			
1.	Hói Lỗ	Hói Lỗ - Kỳ Ninh	Nước cấp Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thu	Ngon Rào - Kỳ Thu	Nước cấp Kỳ Thu
3.	Cẩm Lộc	Bãi Rào - Cẩm Lộc	Nước cấp Cẩm Lộc
4.	Thạch Hạ	Đồng Ghè - Thạch Hạ	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Đan Trường	Nước cấp Đan Trường
6.	Thạch Châu	Thạch Châu	Nước cấp Thạch Châu
7.	Đình Bàn	Đình Bàn	Nước cấp Đình Bàn

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
	Ao nuôi		
8.	Lê Văn Thao	Ao nuôi Kỳ Ninh	Lê Văn Thao
9.	Võ Xuân Dương	Ao nuôi Kỳ Thu	Võ Xuân Dương
10.	Lê Xuân Khặng	Ao nuôi Cẩm Lộc	Lê Xuân Khặng
11.	Đặng Xuân Hà	Ao nuôi Thạch Hạ	Đặng Xuân Hà
12.	Trần Vũ Quốc Phương	Ao nuôi Đan Trường	Trần Vũ Quốc Phương
13.	Phạm Văn Châu	Ao nuôi Thạch Châu	Phạm Văn Châu
14.	Bùi Quang Liện	Ao nuôi Đỉnh Bàn	Bùi Quang Liện

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
N-NH ₄ ⁺	HD.H.01	COD	SMEWW5220 C:2017
TSS	SMEWW 2540D:2017	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017		

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Nguồn cấp										
Nước cấp Kỳ Ninh	26	8,0	4,5	40	15	89,5	0,218	2,80	0,000	29,7
Nước cấp Kỳ Thu	26	7,5	4	45	4	53,7	0,320	3,12	0,000	10,0
Nước cấp Cẩm Lộc	25	7,5	3,5	45	15	89,5	0,236	2,96	0,000	16,3
Nước cấp Thạch Hạ	26	8,5	5	50	14	89,5	0,119	2,40	0,000	15,0
Nước cấp Đan Trường	26	8,2	4	40	30	54	0,252	1,84	0,000	26,3
Nước cấp Thạch Châu	26	7,5	4	40	12	71,6	0,504	4,40	0,005	29,7
Nước cấp Đinh Bàn	26	8,0	5	38	31	89,5	0,328	4,72	0,002	27,6
Ao nuôi										
Ao nuôi Kỳ Ninh	26	8,0	5	35	15	125	0,502	4,56	0,004	71,4
Ao nuôi Kỳ Thu	26	7,8	4	30	10	125,3	0,383	4,08	0,002	36,0
Ao nuôi Cẩm Lộc	25	7,8	4	35	14	107	0,387	5,04	0,001	28,0
Ao nuôi Thạch Hạ	26	8	4	38	15	116	0,159	2,16	0,000	16,8
Ao nuôi Đan Trường	26	8,2	4	30	31	107,4	0,478	4,96	0,001	49,5

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Ao nuôi Thạch Châu	26	7,5	4	25	14	107,4	0,654	4,88	0,005	52,0
Ao nuôi Đỉnh Bàn	26	8	4,5	30	30	125,3	0,688	4,72	0,002	37,0
Quy chuẩn tham chiếu	18-33 ^b	7-9 ^b	≥3,5 ^b	20-50 ^b	5-35 ^b	60-180 ^b	<0,3 ^c	<10 ^c	<0,05 ^b	<50 ^a

Ghi chú:

- **Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Đấu (*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Đấu (***):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc		Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	0	600	0	0	0	600	KPH
	Ao nuôi	8.400	490	1.400	0	0	10.290	KPH
Kỳ Thu	Nguồn cấp	0	13.200	0	0	550	13.750	KPH
	Ao nuôi	0	3.600	0	1.530	2.250	7.380	KPH
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	0	2.730	16.800	0	0	19.530	KPH
	Ao nuôi	35.350	1.050	0	0	0	36.400	KPH
Thạch Hạ	Nguồn cấp	0	340	22.100	0	0	22.440	KPH
	Ao nuôi	600	800	0	0	0	1.400	KPH
Đan Trường	Nguồn cấp	0	570	0	0	0	570	KPH
	Ao nuôi	4.500	1.350	15.000	0	0	20.850	KPH
Thạch Châu	Nguồn cấp	3.500	14.000	0	0	0	17.500	KPH
	Ao nuôi	7.840	7.200	9.600	4.000	0	28.640	KPH
Đĩnh Bàn	Nguồn cấp	1.680	0	360.000	0	0	361.680	KPH
	Ao nuôi	0	65.000	0	0	0	65.000	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

3. NHẬN XÉT

- Nguồn cấp:

+ Nguồn cấp: Độ mặn tại điểm quan trắc Kỳ Thu thấp hơn giới hạn cho phép. Hàm lượng N-NH₄⁺ tại các điểm Kỳ Thu, Thạch Châu và Đỉnh Bàn cao hơn giới hạn cho phép từ 1,06 đến 1,68 lần. Độ kiềm tại điểm nguồn cấp Kỳ Thu và Đan Trường thấp hơn giới hạn cho phép.

+ Mật độ tảo tại các điểm quan trắc nguồn cấp thấp, dao động từ 570 - 361.680 tế bào/lít. Nguồn cấp tại Đỉnh Bàn có mật độ cao nhất (361.680 tế bào/lít), kế đến là Thạch Hạ (22.440 tế bào/lít), Cẩm Lộc (19.530 tế bào/lít), Thạch Châu (17.500 tế bào/lít), Kỳ Thu (13.750 tế bào/lít), Kỳ Ninh (600 tế bào/lít) và Nguồn cấp Đan Trường có mật độ thấp nhất (570 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại tất cả các điểm nguồn cấp.

- Ao nuôi:

+ Các chỉ tiêu phân tích Nhiệt độ, pH, DO, độ trong, độ kiềm, COD và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo. Ngoại trừ ao nuôi tại Thạch Hạ, hàm lượng N-NH₄⁺ của các ao nuôi đều cao hơn giới hạn cho phép từ 1,28 – 2,29 lần. Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) của hai ao nuôi tại Kỳ Ninh và Thạch Châu cao hơn giới hạn thích hợp lần lượt là 1,43 và 1,04 lần.

+ Mật độ tảo tại các ao nuôi thấp, dao động từ 1.400 – 65.000 tế bào/lít. Ao nuôi tại Đỉnh Bàn có mật độ cao nhất (65.000 tế bào/lít), kế đến là Cẩm Lộc (36.400 tế bào/lít), tiếp theo là Thạch Châu (28.640 tế bào/lít), Đan Trường (20.850 tế bào/lít), Kỳ Ninh (10.290 tế bào/lít), Kỳ Thu (7.380 tế bào/lít). Ao nuôi tại Thạch Hạ có mật độ thấp nhất 1.400 tế bào/lít. Không phát hiện tảo độc tại tất cả 7 điểm thu ao nuôi

4. KHUYẾN CÁO

- Đối với nguồn cấp: Các nguồn cấp có độ mặn, độ kiềm và hàm lượng N-NH₄⁺ cao cần lấy nước vào ao chứa và xử lý trước khi cấp vào ao nuôi.

- Đối với ao nuôi có hàm lượng N-NH₄⁺ cao cần tiến hành một số biện pháp sau để cải thiện chất lượng môi trường nước:

+ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh lượng thức ăn tránh dư thừa gây ô nhiễm môi trường nước.

+ Bổ sung nước sạch có độ mặn phù hợp để cải thiện chất lượng nước trong ao.

+ Sử dụng hóa chất diệt khuẩn và chế phẩm sinh học theo hướng dẫn trên bao bì sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng môi trường ao nuôi.

+ Duy trì pH trong khoảng thích hợp để tránh sự hình thành NH₃.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị




PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình